Ký bởi: Bộ Giao thông Vận tải
Email: vpmot@mt.gov.vn
Cơ quan: Bộ Giao thông Vận tải
Thời gian ký: 13.04.2016 09:45:51 +07:00

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI – BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 02/2016/TTLT-BGTVT-BVHTTDL	*Hà Nội, ngày 23 tháng 3 năm 2016*

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

Hướng dẫn về cấp biển hiệu phương tiện thủy nội địa vận chuyển khách du lịch

Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Du lịch số 44/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 92/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Du lịch; Nghị định số 180/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Du lịch;

Căn cứ Nghị định số 110/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh vận tải đường thủy nội địa;

Căn cứ Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 76/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải và Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Thông tư liên tịch hướng dẫn về cấp biển hiệu phương tiện thủy nội địa vận chuyển khách du lịch.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư liên tịch này hướng dẫn về cấp biển hiệu phương tiện thủy nội địa vận chuyển khách du lịch.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư liên tịch này áp dụng đối với đơn vị kinh doanh vận chuyển khách du lịch bằng phương tiện thủy nội địa (sau đây gọi là phương tiện thủy) và tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Chương II
CẤP BIỂN HIỆU PHƯƠNG TIỆN THỦY VẬN CHUYỂN KHÁCH DU LỊCH

Điều 3. Biển hiệu, thời hạn của biển hiệu phương tiện thủy vận chuyển khách du lịch

1. Biển hiệu phương tiện thủy vận chuyển khách du lịch được Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cấp cho phương tiện thủy của các đơn vị kinh doanh vận chuyển khách du lịch.

2. Thời hạn biển hiệu của phương tiện thủy vận chuyển khách du lịch là 05 năm, kể từ ngày cấp và không quá niên hạn sử dụng của phương tiện thủy.

3. Mẫu biển hiệu quy định tại Phụ lục I của Thông tư liên tịch này.

Điều 4. Tập huấn nghiệp vụ du lịch

1. Nội dung tập huấn bao gồm: Tổng quan về du lịch Việt Nam và địa phương, kiến thức lễ tân và văn hóa giao tiếp, ứng xử, tâm lý và phong tục, tập quán của khách du lịch, kiến thức tiếng Anh theo quy định tại Phụ lục II của Thông tư liên tịch này.

2. Đối tượng tập huấn: Người điều khiển phương tiện và nhân viên phục vụ.

3. Thời gian tập huấn: theo khung chương trình tập huấn nghiệp vụ du lịch quy định tại Phụ lục II của Thông tư liên tịch này.

4. Giấy chứng nhận tập huấn nghiệp vụ du lịch có thời hạn là 10 năm.

5. Cơ quan tập huấn

a) Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Sở Du lịch) tổ chức tập huấn và cấp Giấy chứng nhận tập huấn nghiệp vụ du lịch cho những người đã hoàn thành chương trình tập huấn theo mẫu quy định tại Phụ lục III của Thông tư liên tịch này;

b) Chậm nhất sau 03 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành chương trình tập huấn, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Sở Du lịch) có trách nhiệm gửi Giấy chứng nhận tập huấn nghiệp vụ du lịch (trực tiếp hoặc qua mạng bưu chính) đến người hoàn thành chương trình tập huấn.

6. Người điều khiển phương tiện và nhân viên phục vụ có Giấy chứng nhận thuyết minh viên du lịch hoặc Thẻ hướng dẫn viên du lịch thì không phải tập huấn nghiệp vụ du lịch theo quy định tại Thông tư liên tịch này.

Điều 5. Hồ sơ, thủ tục cấp, cấp lại biển hiệu phương tiện thủy vận chuyển khách du lịch

1. Hồ sơ cấp biển hiệu gồm có:

a) Giấy đề nghị cấp biển hiệu phương tiện thủy theo mẫu quy định tại Phụ lục IV của Thông tư liên tịch này;

b) 01 bản sao (kèm bản chính để đối chiếu) hoặc 01 bản sao có chứng thực: Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa còn hiệu lực; giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện còn hiệu lực;

c) 01 bản sao (kèm bản chính để đối chiếu) hoặc 01 bản sao có chứng thực: Giấy chứng nhận tập huấn nghiệp vụ du lịch của người điều khiển và nhân viên phục vụ trên phương tiện thủy vận chuyển khách du lịch còn hiệu lực hoặc Giấy chứng nhận thuyết minh viên du lịch, Thẻ hướng dẫn viên du lịch.

2. Thủ tục cấp biển hiệu

a) Đơn vị kinh doanh vận chuyển khách du lịch gửi 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này trực tiếp hoặc qua mạng bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác theo quy định của pháp luật đến Sở Giao thông vận tải nơi đơn vị kinh doanh đặt trụ sở chính hoặc chi nhánh;

b) Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, nếu hồ sơ đầy đủ thì cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo thời hạn quy định; trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì trả lại ngay và hướng dẫn đơn vị kinh doanh hoàn thiện lại hồ sơ;

c) Trường hợp nhận qua mạng bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Giao thông vận tải có văn bản gửi đơn vị kinh doanh nêu rõ lý do và yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

d) Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải nơi tiếp nhận hồ sơ có văn bản (kèm theo 01 bộ hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này) gửi Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Sở Du lịch) trên địa bàn để lấy ý kiến;

đ) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Sở Du lịch) có văn bản trả lời. Hết thời gian quy định trên mà không có văn bản trả lời, coi như Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Sở Du lịch) đồng ý cấp biển hiệu cho phương tiện thủy vận chuyển khách du lịch theo đề nghị của đơn vị kinh doanh vận tải;

e) Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản trả lời của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Sở Du lịch) hoặc kể từ ngày hết thời gian quy định xin ý kiến, Sở Giao thông vận tải cấp biển hiệu cho phương tiện thủy

vận chuyển khách du lịch. Việc trả kết quả cấp biển hiệu được thực hiện trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải hoặc qua mạng bưu chính.

3. Đối với biển hiệu hết hiệu lực, đơn vị kinh doanh vận chuyển khách du lịch đề nghị cấp lại trước khi biển hiệu hết hiệu lực tối thiểu 10 ngày. Thành phần hồ sơ, thủ tục thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Trường hợp biển hiệu bị mất hoặc hỏng không sử dụng được, đơn vị kinh doanh vận chuyển khách du lịch gửi Giấy đề nghị cấp lại biển hiệu phương tiện thủy vận chuyển khách du lịch theo mẫu quy định tại Phụ lục IV của Thông tư liên tịch này trực tiếp hoặc qua mạng bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác đến Sở Giao thông vận tải. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Giấy đề nghị của đơn vị kinh doanh vận chuyển khách du lịch, Sở Giao thông vận tải cấp lại biển hiệu phương tiện thủy vận chuyển khách du lịch. Thời hạn của biển hiệu cấp lại tính theo thời hạn còn lại của biển hiệu đã bị mất hoặc hỏng.

Điều 6. Thu hồi biển hiệu phương tiện thủy vận chuyển khách du lịch

1. Đơn vị kinh doanh vận chuyển khách du lịch bị thu hồi biển hiệu phương tiện thủy vận chuyển khách du lịch trong các trường hợp sau đây:

a) Phương tiện thủy vận chuyển khách du lịch bị tai nạn giao thông mà không còn đảm bảo trạng thái kỹ thuật hoặc giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện bị thu hồi;

b) Cho mượn biển hiệu phương tiện thủy vận chuyển khách du lịch đã được cấp.

2. Đơn vị kinh doanh vận chuyển khách du lịch nộp lại biển hiệu phương tiện thủy vận chuyển khách du lịch khi có thông báo thu hồi của Sở Giao thông vận tải theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này (trừ trường hợp bị mất).

3. Sở Giao thông vận tải nơi thu hồi biển hiệu phương tiện thủy vận chuyển khách du lịch thông báo cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Sở Du lịch) về việc thu hồi biển hiệu.

Chương III

TRÁCH NHIỆM CỦA ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN TẢI VÀ CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC

Điều 7. Đơn vị kinh doanh vận chuyển khách du lịch bằng phương tiện thủy nội địa

1. Phải gắn biển hiệu phương tiện thủy vận chuyển khách du lịch tại nơi dễ thấy trên phương tiện. Không dùng biển hiệu của phương tiện này gắn cho phương tiện khác.

2. Bố trí, sắp xếp cho người điều khiển và nhân viên phục vụ trên phương tiện thủy vận chuyển khách du lịch tham gia tập huấn nghiệp vụ du lịch theo quy định. Sử dụng người điều khiển và nhân viên phục vụ trên phương tiện thủy vận chuyển khách du lịch đã được tập huấn nghiệp vụ du lịch.

Điều 8. Cục Đường thủy nội địa Việt Nam

1. Quản lý hoạt động vận chuyển khách du lịch bằng phương tiện thủy nội địa trên phạm vi cả nước theo thẩm quyền.

2. Thanh tra, kiểm tra và xử lý theo thẩm quyền các hành vi vi phạm quy định về kinh doanh vận chuyển khách du lịch bằng phương tiện thủy theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Tổng cục Du lịch

1. Kiểm tra, giám sát việc tập huấn, cấp Giấy chứng nhận tập huấn nghiệp vụ du lịch cho người điều khiển và nhân viên phục vụ trên phương tiện thủy vận chuyển khách du lịch.

2. Phối hợp với Cục Đường thủy nội địa Việt Nam kiểm tra và xử lý theo thẩm quyền các hành vi vi phạm về vận chuyển khách du lịch bằng phương tiện thủy theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Sở Giao thông vận tải

1. Quản lý hoạt động vận chuyển khách du lịch bằng phương tiện thủy trên địa bàn địa phương theo thẩm quyền.

2. Định kỳ cuối tháng 12 hàng năm, gửi văn bản thống kê số lượng phương tiện thủy đã được cấp biển hiệu phương tiện thủy vận chuyển khách du lịch đến Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Sở Du lịch) để phối hợp quản lý.

3. In, quản lý, cấp biển hiệu phương tiện thủy vận chuyển khách du lịch theo quy định.

4. Chủ trì, phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Sở Du lịch) thực hiện kiểm tra đối với hoạt động vận chuyển khách du lịch bằng phương tiện thủy trên địa bàn, gửi báo cáo kết quả kiểm tra về Cục Đường thủy nội địa Việt Nam để tổng hợp, báo cáo Bộ Giao thông vận tải.

5. Chủ trì, phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Sở Du lịch) xác định điểm dừng đỗ cho phương tiện thủy đón trả khách du lịch tại các cảng, bến thủy nội địa, khu du lịch, điểm du lịch, cơ sở lưu trú du lịch đã được cấp phép hoạt động trên địa bàn địa phương.

Điều 11. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Sở Du lịch)

1. Tổ chức tập huấn và cấp Giấy chứng nhận tập huấn nghiệp vụ du lịch cho người điều khiển và nhân viên phục vụ trên phương tiện thủy vận chuyển khách du lịch.

2. Biên soạn, phát hành tài liệu, chương trình phục vụ tập huấn nghiệp vụ du lịch cho người điều khiển và nhân viên phục vụ trên phương tiện thủy vận chuyển khách du lịch theo khung chương trình quy định tại Phụ lục II của Thông tư liên tịch này.

3. Cung cấp vị trí các điểm du lịch, các cơ sở lưu trú du lịch và phối hợp với Sở Giao thông vận tải xác định các điểm dừng, đỗ cho phương tiện thủy đón trả khách du lịch trên các tuyến đường thủy nội địa, tại các cảng, bến thủy nội địa, khu du lịch, điểm du lịch, cơ sở lưu trú du lịch trên địa bàn địa phương trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phê duyệt.

4. Phối hợp với Sở Giao thông vận tải và các cơ quan chức năng tổ chức kiểm tra hoạt động vận chuyển khách du lịch bằng phương tiện thủy trên địa bàn, gửi báo cáo kết quả kiểm tra về Tổng cục Du lịch để tổng hợp, báo cáo Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Chế độ báo cáo

1. Định kỳ tháng 6 và tháng 12 hàng năm, đơn vị kinh doanh vận chuyển khách du lịch bằng phương tiện thủy phải báo cáo số lượng khách du lịch vận chuyển và luân chuyển đến Sở Giao thông vận tải, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Sở Du lịch) theo mẫu quy định tại Phụ lục V của Thông tư liên tịch này.

2. Định kỳ tháng 01 hàng năm, Sở Giao thông vận tải và Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Sở Du lịch) báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh vận tải du lịch và kết quả cấp biển hiệu cho phương tiện thủy vận chuyển khách du lịch của địa phương về Cục Đường thủy nội địa Việt Nam và Tổng cục Du lịch theo mẫu quy định tại Phụ lục VI của Thông tư liên tịch này để tổng hợp, báo cáo Bộ Giao thông vận tải và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch vào tháng 02 hàng năm.

Điều 13. Trách nhiệm thi hành

Thông tư liên tịch này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

Điều 14. Tổ chức thực hiện

1. Các cơ quan chức năng có thẩm quyền thuộc Bộ Giao thông vận tải và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Sở Giao thông vận tải, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Sở Du lịch) các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Thông tư liên tịch này.

2. Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Tổng cục Du lịch chịu trách nhiệm theo dõi, kiểm tra việc thực hiện các quy định của Thông tư liên tịch này./.

KT.BỘ TRƯỞNG **THỨ TRƯỞNG**	**KT.BỘ TRƯỞNG** **THỨ TRƯỞNG**
Nguyễn Ngọc Thiện	**Nguyễn Nhật**

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Uỷ ban Quốc phòng An ninh của Quốc hội;
- Tòa án Nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát Nhân dân tối cao;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Kiểm toán Nhà nước;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cục Kiểm tra VBQPPL Bộ Tư pháp;
-Cục Kiểm soát thủ tục hành chính (Bộ Tư pháp);
- Bộ trưởng, các Thứ trưởng Bộ Giao thông vận tải;
- Bộ trưởng, các Thứ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Giao thông vận tải;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Sở GTVT các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Sở VHTTDL (Sở Du lịch) các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Công báo, Cổng TTĐT các Bộ GTVT và VHTTDL;
- Báo Giao thông, Tạp chí GTVT;
- Báo Du lịch, Tạp chí Du lịch;
-Lưu: BGTVT (VT,Vụ VT), BVHTTDL (VT, TCDL). 480